

Bản án số: 402/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thành

2. Ông Dương Hiệp Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Ngọc T - sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 6, KV7, phường P, thành phố QN, tỉnh BD.

- Bị đơn: Anh Hồ Trọng N - sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 23, KV5, phường R, thành phố QN.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc T trình bày:***

Chị và anh Hồ Trọng N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường R, thành phố QN vào ngày 24/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần. Mặc dù chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên can nhưng anh N vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, không

còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 22/3/2020. Hiện nay cháu H đang sống với chị, sức khỏe tốt. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn anh Hồ Trọng N:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh N cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật HNGĐ 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Ngọc T được ly hôn anh Hồ Trọng N; Giao cháu Hồ Trọng H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Hồ Trọng N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Ngọc T và anh Hồ Trọng N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường R, thành phố QN, tỉnh BĐ vào ngày 24/11/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị Trinh và anh N đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Điều này chứng tỏ anh N không có thiện chí muốn hòa hợp. Đây cũng là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX xét: Hôn nhân của chị T, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hồ Trọng H, sinh ngày 22/3/2020. HĐXX xét: Cháu H còn nhỏ, hiện đang sống với chị T và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị T giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Mai Thị Ngọc T ly hôn anh Hồ Trọng N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Hồ Trọng H, sinh ngày 22/3/2020 cho chị Mai Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Mai Thị Ngọc T không yêu cầu anh Hồ Trọng N cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003520 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
 - Chi cục THADS Tp. QN;
 - UBND phường R, TP. QN
- (ĐKKH số 58 ngày 24/11/2018);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

